

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN
PHÒNG ĐÀO TẠO

Liệt kê

Sử phạm

THỜI KHÓA BIỂU SINH HOẠT LỚP

Học kỳ 2, năm học 2014-2015

Lớp SH	Tên lớp sinh viên	Thứ	Tiết bắt đầu	Số tiết	Phòng	Tuần học	Tiết học	Mã CB	Họ lót	tên CB
43M	43M	6	9	2	A10-101	2 5 1 4 7	-----90	10115	Ngô Quốc	Huy
44I	K41I đến K44I, LT11 trở về trước	4	9	2	A9-205	2 5 1 4 7	-----90	20209	Nguyễn Thị Thanh	Nga
44M	K44M	3	9	2	A9-304	2 5 1 4 7	-----90	12632	Trần Minh	Quang
44S1	K44SK	3	9	2	A9-303	2 5 1 4 7	-----90	50106	Phạm Thanh	Cường
45DT	K41 đến K45	3	9	2	A9-305	2 5 1 4 7	-----90	40212	Nguyễn Thị Thanh	Quỳnh
45I	K45I	6	9	2	A9-304	2 5 1 4 7	-----90	20510	Vũ Ngọc	Kiên
45M1	K45CCM.01 đến K45CCM.06	4	9	2	A9-102	2 5 1 4 7	-----90	12719	Nguyễn Thái	Bình
45M2	K45CCM.07 đến K45CCM.09; K1KC-HHT; K45CĐT; K45KCK; LT11CTM	4	9	2	A9-105	2 5 1 4 7	-----90	12620	Bùi Thanh	Hiền
45M3	K45CLK.01; K45CVL.01; K46CLK.01; K46CVL.01	3	9	2	A9-302	2 5 1 4 7	-----90	12805	Bùi Ngọc	Huyền
45X	K41 đến K45KXC; K41 đến K45KTM	3	9	2	A9-301	2 5 1 4 7	-----90	91101	Phạm Thị Hồng	Hà
46D1	K46CĐL.01	6	9	2	A9-102	3 6 0 2 6	-----90	12905	Nguyễn Minh	Châu
46D2	K46KĐT.01; K46KĐT.02	6	9	2	A10-403	2 5 1 4 7	-----90	40012	Phạm Duy	Khánh
46D3	K46KTM.01; K47KTM.01; K48KTM.01	5	9	2	A10-503	2 5 1 4 7	-----90	40306	Phùng Thị Thu	Hiền
46D4	K46ĐVT.01	4	9	2	A9-103	2 5 1 4 7	-----90	40106	Trần Anh	Thắng
46DT	K46ĐĐK.01; K46ĐĐK.02	4	9	2	A10-504	2 5 1 4 7	-----90	40209	Nguyễn Trọng	Toàn
46I1	K46TĐH.01; K46TĐH.02	4	9	2	A9-305	2 5 1 4 7	-----90	20303	Đỗ Thị Phương	Thảo
46I2	K46TĐH.03; K46TĐH.04	3	9	2	A10-504	2 5 1 4 7	-----90	20225	Nguyễn Hồng	Quang
46I3	K46HTĐ.01; K46HTĐ.02	3	9	2	A10-503	2 5 1 4 7	-----90	20010	Nguyễn Duy	Trường
46I4	K46KTĐ.01	6	9	2	A10-201	2 5 1 4 7	-----90	22106	Lê Thị Huyền	Linh
46I5	K46TĐ.01	5	9	2	A9-104	2 5 1 4 7	-----90	20503	Nguyễn Thị Thu	Hương
46KC	K46KCK.01	6	9	2	A10-104	2 5 1 4 7	-----90	12619	Lê Thị Phương	Thảo
46M1	K46CCM.01	6	9	2	A10-102	2 5 1 4 7	-----90	12729	Ngô Minh	Tuấn

Lớp SH	Tên lớp sinh viên	Thứ	Tiết bắt đầu	Số tiết	Phòng	Tuần học	Tiết học	Mã CB	Họ lót	tên CB
46M2	K46CCM.02	4	9	2	A9-302	2 5 1 4 7	-----90-	12714	Hoàng Trung	Kiên
46M3	K46CCM.03; K46CCM.04	6	9	2	A10-103	2 5 1 4 7	-----90-	12710	Hà Đức	Thuận
46M4	K46CCM.05	3	9	2	A10-202	2 5 1 4 7	-----90-	12714	Hoàng Trung	Kiên
46M5	K46CCM.06; K46CCM.07	6	9	2	A10-203	2 5 1 4 7	-----90-	12728	Nguyễn	Thuấn
46M6	K46CĐT.01	6	9	2	A9-201	2 5 1 4 7	-----90-	11205	Vũ Đức	Vương
46S1	K46SKĐ.01; K47SKĐ.01	6	9	2	A9-104	2 5 1 4 7	-----90-	50502	Trần Thị Vân	Anh x
46S2	K46SKT.01	3	9	2	A9-102	2 5 1 4 7	-----90-	50109	Nguyễn Thị	Linh x
46S3	K46SCK.01	6	9	2	A9-103	2 5 1 4 7	-----90-	50107	Bùi Đức	Việt x
46T2	K49KMT.01	6	9	2	A9-102	2 5 1 4 7	-----90-	42107	Đặng Thị	Hiền
46X	K46KXC.01; K46KXC.02	6	9	2	A9-205	2 5 1 4 7	-----90-	91004	Đào Đăng	Quang
47D1	K47CĐL.01	6	9	2	A9-101	2 5 1 4 7	-----90-	12906	Hoàng Anh	Tấn
47DT	K47KĐT.01; K47KĐT.02	5	9	2	A10-103	2 5 1 4 7	-----90-	40013	Nguyễn Hoàng	Việt
47I1	Từ K47TDH01 đến K47TDH04	6	9	2	A9-105	2 5 1 4 7	-----90-	20311	Bùi Tuấn	Anh
47I2	K47HTĐ.01	4	9	2	A9-101	2 5 1 4 7	-----90-	20009	Đoàn Kim	Tuấn
47I3	K47KTĐ.01	3	9	2	A9-101	2 5 1 4 7	-----90-	22109	Trần Thị Thanh	Thảo
47I4	K47TĐĐ.01	3	9	2	A10-401	2 5 1 4 7	-----90-	20506	Trần Thị Thanh	Nga
47M1	K47CCM.03; K47CCM.04	5	9	2	A9-305	2 5 1 4 7	-----90-	12712	Đinh Trọng	Hải
47M2	K47CCM.05	3	9	2	A10-302	2 5 1 4 7	-----90-	12724	Lưu Anh	Tùng
47M3	K47CĐT.01	5	9	2	A9-201	2 5 1 4 7	-----90-	11204	Dương Quốc	Khánh
47M4	K47CCM.01; K47CCM.02	5	9	2	A9-205	2 5 1 4 7	-----90-	12604	Nguyễn Văn	Trang
47M5	K47KCK.01	3	9	2	A10-301	2 5 1 4 7	-----90-	12634	Nguyễn Quang	Hưng
47T	K47KTN.01	3	9	2	A10-204	2 5 1 4 7	-----90-	92204	Nguyễn Thị Thu	Ngân
47T1	K47ĐĐK.01; K47ĐĐK.02	3	9	2	A10-103	2 5 1 4 7	-----90-	40210	Nguyễn Văn	Chí
47T2	K47QLC.01	4	9	2	A9-202	2 5 1 4 7	-----90-	92109	Nguyễn Thị Hồng	Nhung
47T3	K47ĐVT.01	6	9	2	A10-501	2 5 1 4 7	-----90-	40107	Phan Thanh	Hiền
47X	K47KXC.01; K47KXC.02	5	9	2	A10-504	2 5 1 4 7	-----90-	90909	Tòng Thu	Hương
48D1	K48CĐL.01	6	9	2	A10-402	2 5 1 4 7	-----90-	12905	Nguyễn Minh	Châu
48DT	K48ĐVT	6	9	2	A10-401	2 5 1 4 7	-----90-	40101	Lê Duy	Minh
48I1	K48TĐH.01	6	9	2	A10-302	2 5 1 4 7	-----90-	20234	Trần Đức	Quân
48I2	K48TĐH.02	3	9	2	A10-201	2 5 1 4 7	-----90-	20222	Trương Thị Quỳnh	Như
48I3	K48TĐH.03	4	9	2	A9-201	2 5 1 4 7	-----90-	20269	Vũ Văn	Hùng
48I4	K48HTĐ.01	6	9	2	A10-502	2 5 1 4 7	-----90-	20008	Lê Tiên	Phong
48I5	K48KTĐ.01	3	9	2	A10-404	2 5 1 4 7	-----90-	22112	Dương Quốc	Hưng

Lớp SH	Tên lớp sinh viên	Thứ	Tiết bắt đầu	Số tiết	Phòng	Tuần học	Tiết học	Mã CB	Họ lót	tên CB
48I6	K48TBĐ.01	5	9	2	A9-203	2 5 1 4 7	-----90-	20511	Vũ Xuân	Tùng
48M1	K48CCM.01; K48CCM.02	5	9	2	A9-105	2 5 1 4 7	-----90-	12721	Nguyễn Thế	Đoàn
48M2		3	9	2	A10-104	2 5 1 4 7	-----90-	11208	Dương Công	Định
48M3	K48CLK.01	3	9	2	A10-102	2 5 1 4 7	-----90-	10806	Hà Bách	Tứ
48M4	K48KCK.01	6	9	2	A10-301	2 5 1 4 7	-----90-	12633	Đặng Anh	Tuấn
48T	K48KĐT.01	6	9	2	A10-404	2 5 1 4 7	-----90-	40015	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa
48T1	K48KTN.01; LT14KTN.01	5	9	2	A9-202	2 5 1 4 7	-----90-	92205	Ma Thị Thu	Thủy
48T2	K48QLC.01	4	9	2	A9-203	2 5 1 4 7	-----90-	92110	Vũ Hồng	Vân
48T3	K48ĐĐK.01	6	9	2	A10-304	2 5 1 4 7	-----90-	40208	Phạm Văn	Thiem
48X1	K48KXC.01; K48KXC.02	4	9	2	A10-503	2 5 1 4 7	-----90-	90910	Nguyễn Văn	Luân
48X2	K48KXG.01; K45KXG.01; LT10 đến 12KXC + KTM, LT14KXC	6	9	2	A10-303	2 5 1 4 7	-----90-	91008	Hà Thanh	Tú
49C1	K49KC.01	3	9	2	A10-101	2 5 1 4 7	-----90-	10116	Lê Quang	Duy
49C2	K49KC.02	6	9	2	A10-204	2 5 1 4 7	-----90-	10110	Đặng Văn	Hiếu
49C3	K49KC.03	6	9	2	A10-202	2 5 1 4 7	-----90-	10113	Nguyễn Thị Kim	Thoa
49C4	K49KC.04	4	9	2	A9-104	2 5 1 4 7	-----90-	12801	Nguyễn Thành	Công
49C5	K49KC.05	3	9	2	A10-304	2 5 1 4 7	-----90-	11207	Nguyễn Ngọc	Hà
49C6	K49KC.06	3	9	2	A10-502	2 5 1 4 7	-----90-	12612	Đỗ Thị Thu	Hà
49CT	K49CĐT.01	3	9	2	A10-501	2 5 1 4 7	-----90-	11212	Ngô Văn	An
49DT	K49ĐĐK.01	4	9	2	A9-301	2 5 1 4 7	-----90-	40210	Nguyễn Văn	Chí
49I1	K49KTĐ.01	3	9	2	A10-402	2 5 1 4 7	-----90-	20004	Dương Thị Quỳnh	Nga
49I2	K49KTĐ.02	4	9	2	A9-204	2 5 1 4 7	-----90-	22110	Ngô Thanh	Hải
49I3	K49KTĐ.03	5	9	2	A9-101	3 6 0 2 6	-----90-	20501	Nguyễn Văn	Huỳnh
49I4	K49TĐH.01	3	9	2	A9-204	2 5 1 4 7	-----90-	22107	Trần Thị Hải	Yến
49I5	K49TĐH.02	6	9	2	A9-303	2 5 1 4 7	-----90-	20020	Nguyễn Vinh	Thụy
49I6	K49TĐH.03	5	9	2	A9-103	2 5 1 4 7	-----90-	20216	Trần Ngọc	ánh
49I7	K49TĐH.04	3	9	2	A9-203	2 5 1 4 7	-----90-	20235	Nguyễn Thị Phương	Chi
49I8	K49HTĐ.01	6	9	2	A9-302	2 5 1 4 7	-----90-	20004	Nguyễn Đức	Tường
49I9	K49TBĐ.01	6	9	2	A9-301	2 5 1 4 7	-----90-	20501	Cao Xuân	Tuyến
49SK	K49SK.01	3	9	2	A9-201	2 5 1 4 7	-----90-	50105	Nguyễn Thị	Thu
49T	K49ĐTT.01; K49ĐTT.02	3	9	2	A9-205	2 5 1 4 7	-----90-	40011	Nguyễn Thị Hải	Ninh
49T1	K49KTN.01; K49KTN.02	6	9	2	A10-503	2 5 1 4 7	-----90-	92207	Nguyễn Thị	Hồng
49X1	K49KXC.01; K49KXC.02	6	9	2	A10-504	2 5 1 4 7	-----90-	90907	Nhữ Thị Lan	Hương

Lớp SH	Tên lớp sinh viên	Thứ	Tiết bắt đầu	Số tiết	Phòng	Tuần học	Tiết học	Mã CB	Họ lót	tên CB
49X2	Từ K46KTM.01 đến K49KTM.01	6	9	2	A9-305	2 5 1 4 7	-----90	11010	Nguyễn Trần	Hung
K1DT	K1 CN-ĐĐT.01	3	9	2	A9-105	2 5 1 4 7	-----90	40207	Đỗ Công	Thành
K1M	K1 CN-CTM.01	6	9	2	A9-204	2 5 1 4 7	-----90	12610	Lý Việt	Anh
K1OT	K1 CN-KTO.01	3	9	2	A9-104	2 5 1 4 7	-----90	30004	Lê Văn	Quỳnh
K44	K44	3	9	2	A9-103	2 5 1 4 7	-----90	92108	Ma Thế	Ngân
L12I	LT12; LT13	6	9	2	A9-203	2 5 1 4 7	-----90	20503	Nguyễn Thị Thu	Hường
LT12	LT12CLK.01; LT12CTM.01; LT13CTM.01	6	9	2	A9-202	2 5 1 4 7	-----90	12717	Vũ Như	Nguyệt

Người lập biểu

Đức
Bùi Thị Bền

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2014
Phòng Đào tạo

Th